

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với hội đồng xét xử gồm:

Thẩm phán Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lư Khánh Thành,
- Bà Vũ Thị Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 411/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1983

Địa chỉ: xã TLT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt theo Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 10/12/2024).

2. Bị đơn: Ông Lê M, sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt theo Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 21/11/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 13/9/2024, tại Bản tự khai ngày 10/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Lê M do tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân với nhau từ năm 2014 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLT,

huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 15/12/2016.

Vợ chồng bà sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó càng ngày càng phát sinh nhiều vấn đề khác nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng có tư tưởng và quan điểm sống quá khác xa nhau. Vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, ông M ngày càng sa vào cờ bạc. Bản thân bà cũng đã cố gắng hết sức vun vén gia đình để các con có một mái ấm nhưng không hòa thuận được với ông M.

Đến năm 2023, ông M do bài bạc nên bị Cơ quan điều tra bắt và bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử 6 năm tù giam. Hiện nay ông M đang chấp hành án tại Trại tạm giam L, tỉnh Bình Dương.

Từ khi ông M bị bắt, một mình bà nuôi con, lo cho gia đình và chu cấp thăm nuôi ông M. Bà đã có thời gian suy nghĩ về mối quan hệ giữa hai vợ chồng. Bà xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông M không còn, gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê M.

Trong thời gian chung sống bà và ông M có 02 (hai) con chung là Lê M B (nam) sinh ngày: 05/5/2015 và Lê M V (nam), sinh ngày 14/4/2020. Hiện các con đều do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay bà Lê Thị D xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông Lê M không còn, gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê M. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Lê M cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông M tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2024, ông Lê M trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà D về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên theo ông thì giữa ông và bà D không có gì mâu thuẫn tới mức phải ly hôn. Do hiện tại ông phải chấp hành án phạt tù nên không trực tiếp đến Tòa án làm việc được, ông đã làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà D. Trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh và được xác nhận hiện ông Lê M đang chấp hành án tại Trại tạm giam L, tỉnh Bình Dương theo Bản án số 1083/2024/HS-PT ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và ghi nhận nguyện vọng của cả hai con chung mong muốn được sống cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, cho bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê M; Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê M B (nam) sinh ngày: 05/5/2015 và Lê M V (nam), sinh ngày 14/4/2020 cho bà Lê Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D không yêu cầu ông Lê M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và hai bên xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 129, đăng ký ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Lê Thị D và ông Lê M có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Lê Thị D có đơn xin ly hôn với ông Lê M có hộ khẩu thường trú tại: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị D và bị đơn ông Lê M đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị D và ông Lê M phát sinh tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của bà Lê Thị D thì nguyên nhân vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng có tư tưởng và quan điểm sống quá khác xa nhau. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, ông M ngày càng sa vào cờ bạc. Đến năm 2023, ông M bị bắt và bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử 6 (sáu) năm tù giam. Hiện ông M đang chấp hành án tại Trại tạm giam L, tỉnh Bình Dương. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay không thể giải quyết được, không thể tiếp tục chung sống hòa thuận cùng nhau được.

Quá trình giải quyết vụ án ông M cho rằng giữa ông và bà D không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của bà Lê Thị D thì giữa bà và ông M khác xa nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mỗi người sống theo ý chí, quan điểm của mình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Ông Lê M dù không đồng ý ly hôn với bà D nhưng ông chỉ trình bày quan điểm về mâu thuẫn gia đình mà không có ý kiến thuyết phục để hòa giải đoàn tụ hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy, mâu thuẫn gia đình giữa bà Lê Thị D và ông Lê M đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống bà Lê Thị D và ông Lê M có 02 (hai) con chung tên Lê M B (nam) sinh ngày: 05/5/2015, Giấy khai sinh số 284 đăng ký ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và Lê M V (nam), sinh ngày 14/4/2020, Giấy khai sinh số 148 đăng ký ngày 15/6/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện cả hai trẻ đều đang sống cùng bà D. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê M đồng ý giao cả hai con chung cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tại đơn ghi nguyện vọng của hai trẻ B và trẻ V thể hiện nguyện vọng của cả hai trẻ là mong muốn được sống cùng bà D. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cả hai con chung là Lê M B (nam) sinh ngày: 05/5/2015 và Lê M V (nam), sinh ngày 14/4/2020 cho bà Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cả hai trẻ.

[4.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị D và ông Lê M tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị D và ông Lê M tự khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lê Thị D nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 129 đăng ký ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung tên Lê M B (nam) sinh ngày: 05/5/2015 và Lê M V (nam), sinh ngày 14/4/2020 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D về việc không yêu cầu ông Lê M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê M có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà Lê Thị D có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông Lê M khi đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Trường hợp ông Lê M lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê M.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị D và ông Lê M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị D và ông Lê M tự khai không có nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Lê Thị D nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010199 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện C, TP.HCM;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hồng Nga